

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 18-01-2024.

V/v "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Linh.

Ông Nguyễn Đức Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 333/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023, của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Hồng L**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(nguyên đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau năm 1996, đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nguyên đơn và bị đơn chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bị đơn thường xuyên uống rượu về nhà chửi bới, hành hạ vợ con, không quan tâm chăm lo

cuộc sống gia đình, nhiều lần nguyên đơn khuyên nhủ nhưng bị đơn vẫn không thay đổi. Đến năm 2019 thì anh chị sống ly thân cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn.

Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung, tên Nguyễn Thị Xuân T, sinh ngày 16/4/1997 và Nguyễn Vinh S, sinh ngày 20/5/1999.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn.

Về con chung: hiện nay hai con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động được để tự nuôi sống bản thân nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, yêu cầu nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào

Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tình cảm: nguyên đơn và bị đơn chung sống năm 1996, đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (giấy chứng nhận kết hôn số 77/2015 ngày 16/12/2015) là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn với lý do bị đơn thường xuyên uống rượu về nhà chửi bới, hành hạ vợ con, không quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình, nhiều lần nguyên đơn khuyên nhủ nhưng bị đơn vẫn không thay đổi và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay mà vẫn không hàn gắn được tình cảm. Nguyên đơn xin vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu ly hôn với bị đơn; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa cho thấy bị đơn không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: con chung tên Nguyễn Thị Xuân T, sinh ngày 16/4/1997 và Nguyễn Vinh S, sinh ngày 20/5/1999 hiện nay đều đã trưởng thành, có khả năng lao động được để tự nuôi sống bản thân. Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: nguyên đơn trình bày không có, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Hồng L.

1. Về tình cảm: chị Trần Thị Hồng L được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2. Về án phí: chị Trần Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011699 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị Linh đã nộp xong.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã T, H. GCT, T. TG;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Ngọc Ngân